

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 27.01.2020 Phiên bản 2.2

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	814748
Tên sản phẩm	Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis
REACH Số Đăng ký	Sản phẩm này là một hỗn hợp. Số Đăng Ký REACH xem chương 3.

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Hóa chất để tổng hợp Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

814748
Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Độc tính cấp tính, Nhóm 2, Đường miệng, H300
Độc tính cấp tính, Nhóm 1, Da, H310
Ăn mòn da, Nhóm 1 B, H314
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 1, Hệ thần kinh trung ương, H370
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 1, Gan, tuyến ức, H372
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh, Nhóm 2, H411
Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H300 + H310 Gây tử vong nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H370 Gây tổn thương các cơ quan (Hệ thần kinh trung ương).
H372 Gây tổn thương các cơ quan (Gan, tuyến ức) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H411 Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bất kỳ triệu chứng nào: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

814748
Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H300 + H310 Gây tử vong nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H370 Gây tổn thương các cơ quan (Hệ thần kinh trung ương).
H372 Gây tổn thương các cơ quan (Gan, tuyến ức) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.
P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bắn khoả: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

Bản chất hóa học Dung dịch nước

3.1 Chất

Không áp dụng được

3.2 Hỗn hợp

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS	Số đăng ký	Phân loại
Tetramethylammonium hydroxide	(>= 25 % - < 50 %)	

75-59-2 *)

Độc tính cấp tính, Nhóm 2, H300
Độc tính cấp tính, Nhóm 1, H310
Ăn mòn da, Nhóm 1 B, H314
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 1, H370
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 1, H372
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh, Nhóm 2, H411

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H để cập đến trong mục này, xem mục 16.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	814748
Tên sản phẩm	Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Sau khi hít phải: đưa ra nơi không khí trong lành. Ngay lập tức gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Nếu ngừng thở: thở qua miệng hoặc hô hấp nhân tạo. Ngay lập tức gọi bác sĩ. Nếu nghi ngờ có hiệu ứng hệ thống, cần khẩn cấp giám sát và điều trị trong bộ phận chăm sóc tăng cường.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Nếu nuốt phải: cho uống nước (nhiều nhất là hai ly). Tìm trợ giúp y tế ngay lập tức. Chỉ trong trường hợp đặc biệt, nếu không được chăm sóc y tế trong vòng một giờ, hãy gây nôn mửa (chỉ ở người hoàn toàn tỉnh táo), cho dùng than hoạt tính (20 - 40 g trong bùn 10%) và tham khảo ý kiến bác sĩ nhanh nhất có thể. Không cố trung hòa.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Kích ứng và ăn mòn, Ho, Khó thở

Rủi ro bị mù!

Buồn nôn, Nôn mửa, Bất tỉnh, ngưng thở, Đau bụng, Tiêu chảy, Tiết nước bọt, Co cơ, Run, Co giật, tử vong

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Không dễ cháy.

Đám cháy xung quanh có thể giải phóng hơi nguy hiểm.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

các oxit ni tơ, các khí ni tơ

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

814748
Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for
synthesis

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Giữ vai trò chất hấp thụ chất lỏng và trung hòa (ví dụ: Chemizorb® OH⁻, Merck Art. No. 101596). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 814748
Tên sản phẩm Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.
Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	mủ cao su thiên nhiên
Độ dày của găng:	0,6 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 30 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 706 Lapren® (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: bình lọc ABEK

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	814748
Tên sản phẩm	Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	yếu giống amin
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	> 13 ở 20 °C
Điểm nóng chảy	Không áp dụng được
Điểm sôi/khoảng sôi	110 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	không chớp cháy
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ	Không áp dụng được
Áp suất hóa hơi	23,33 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	1,02 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	ở 20 °C hòa tan được
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	Không có thông tin.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	814748
Tên sản phẩm	Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	Không áp dụng được
-------------------	--------------------

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Xem phần 10.3.

10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Thận trọng! Khi tiếp xúc với nitrit, nitrat, axit nitơ có thể giải phóng nitrosamin!

Có thể phản ứng mạnh với:

Các chất oxy hóa mạnh, axit

Tạo ra các khí hoặc khói nguy hiểm khi tiếp xúc với:

hợp chất amoni

10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt độ cao (phân hủy).

10.5 Các vật liệu xung khắc

Nhôm, đồng thiếc, kẽm, Thiếc

Sinh ra hydro khi phản ứng với kim loại.

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Hỗn hợp

Độc tính cấp theo đường miệng

Ước lượng độc tính cấp: 20 mg/kg

Phương pháp tính toán

Triệu chứng: Nếu ăn phải, sẽ gây bỏng nặng miệng và cổ họng, cũng như có nguy cơ thủng thực quản và dạ dày.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

814748
Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hỏng có thể: , hư hỏng khoang hô hấp, Hít vào có thể dẫn đến phù nề trong khoang hô hấp., Các triệu chứng có thể bị chậm lại

Độc tính cấp qua da

Triệu chứng: Gây ra các ảnh hưởng hệ thống nghiêm trọng sau khi tiếp xúc, có thể dẫn đến tử vong.

Hấp thụ nhanh.

Ước lượng độc tính cấp : 50 mg/kg

Phương pháp tính toán

Kích ứng da

Hỗn hợp gây bong.

Kích ứng mắt

Hỗn hợp gây hỏng mắt nghiêm trọng. Rủi ro bị mù!

Nhạy cảm

Thông tin này không có sẵn.

Biến đổi tế bào gốc

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Hỗn hợp gây hư hỏng cơ quan.

Các cơ quan đích: Hệ thần kinh trung ương

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Hỗn hợp có thể làm hư các cơ quan do tiếp xúc dài hoặc liên tục.

Các cơ quan đích: Gan, tuyến ức

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Ảnh hưởng hệ thống:

Ho, Đau đầu, Co giật, Buồn nôn, Nôn mửa, Đau bụng, Tiêu chảy, Tiết nước bọt, Đổ mồ hôi, Co cơ, Run, Bất tỉnh, Khó thở, ngưng thở, tử vong

Trong những điều kiện nhất định, tiếp xúc với nitrit hoặc axit nitric có thể dẫn đến sự hình thành nitrosamine, đã chứng minh là gây ung thư trong các thí nghiệm trên động vật.

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

814748
Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Chất này phải được xử lý một cách đặc biệt thận trọng.

Thành phần

Tetramethylammonium hydroxide

Độc tính cấp theo đường miệng
LD50 Chuột: 7,5 - 50 mg/kg
Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 423

Độc tính cấp qua da
LD50 Chuột: 12,5 mg/kg
Đánh giá của chuyên gia
Triệu chứng: Gây ra các ảnh hưởng hệ thống nghiêm trọng sau khi tiếp xúc, có thể dẫn đến tử vong.

Kích ứng da
Thỏ
Kết quả: Ăn mòn
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Biến đổi tế bào gốc
Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm
Xét nghiệm Ames
E.coli/Salmonella typhimurium
Kết quả: Âm tính
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú): đột biến thể nhiễm sắc.
các tế bào phổi của chuột đồng Trung Quốc
Kết quả: Âm tính
Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 473

Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Thử nghiệm ung thư hạch bạch huyết trên chuột
Kết quả: Âm tính
Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 476

(cho pentahydrat)

Phần 12. Thông tin sinh thái học

Hỗn hợp

12.1 Độc tính

Không có thông tin.

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

Không dễ phân hủy sinh học.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

(Các) Chất trong hỗn hợp không phù hợp với tiêu chuẩn dành cho PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) Số 1907/2006, Phụ Lục XIII, hoặc đánh giá PBT/vP vB đã không được thực hiện.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

814748
Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

Thành phần

Tetramethylammonium hydroxide

Độc đối với cá

Thử nghiệm chày LC50 *Pimephales promelas* (cá tuế đầu to): 462 mg/l; 96 h
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Giá trị đã cho tương ứng với các chất sau đây: tetramethylammonium chloride

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

Thử nghiệm tĩnh EC50 *Daphnia magna* (Bọ nước): 3 mg/l; 48 h
Giám sát phân tích: có
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc đối với tảo

Thử nghiệm tĩnh ErC50 *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục): 96,3 mg/l; 72 h
Giám sát phân tích: có
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Thử nghiệm tĩnh NOEC *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục): 6,25 mg/l; 72 h

Giám sát phân tích: có
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Độc tính đối với vi khuẩn

Thử nghiệm tĩnh EC50 bùn hoạt tính: > 503 mg/l; 3 h
Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 209

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)

Thử nghiệm bán tĩnh NOEC *Daphnia magna* (Bọ nước): 0,025 mg/l; 11 d

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Tính phân hủy sinh học

100 %; 28 d; hiếu khí
OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B
Dễ phân hủy sinh học.

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: < -1,4 (20 °C)
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107
Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

Sức căng bề mặt

73,3 mN/m
ở 20 °C
Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 115

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	814748
Tên sản phẩm	Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vớt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bần giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1835
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TETRAMETHYLAMMONIUM HYDROXIDE SOLUTION
14.3 Hạng	8
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 1835
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TETRAMETHYLAMMONIUM HYDROXIDE SOLUTION
14.3 Hạng	8
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 1835
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TETRAMETHYLAMMONIUM HYDROXIDE SOLUTION
14.3 Hạng	8
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 814748
Tên sản phẩm Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for synthesis

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có
EmS F-A S-B

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia
Lớp cất giữ 6.1 D

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H300 Gây tử vong nếu nuốt phải.
H310 Gây tử vong khi tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H370 Gây tổn thương các cơ quan.
H372 Gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H411 Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.

Cảnh xú# dụng th#ng hiệ# ở ầ# trang v#/hoặc ch#o# trang của t#o# liệ# n#o# c# thể tạm thời kh#o# ph# hợp trực quan với sản phẩm ợc mua khi ch#o# t#o# chuyển ổi th#ng hiệ# của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong t#o# liệ# li#o# quan ến sản phẩm vẫn kh#o# thay ổi

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

814748
Tetramethylammonium hydroxide (25% solution in water) for
synthesis

v# ph# hợp với sản phẩm 痲ợc ặt h鄧g. ể biết th阡 th魅g tin xin vui lòng liên hệ
mlsbranding@sial.com. mlsbranding@sial.com.